TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 165/2018/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 24 năm 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 5, 6, 7, 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968;

+ Người yêu cầu: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: AA, khu phố 3, ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Đinh Thị P đăng ký kết hôn vào năm 1991, trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79/90 quyển số I /TP-HT ngày 17/01/1991 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ các Điều 5, 6, 7, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Nguyễn Văn C và bà Đinh Thị P xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông C và bà P có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1991 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1997. Chị T và anh T đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông C, bà P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông C, bà P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông C, bà P mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0003848 ngày 16 tháng 01 năm 2019. Ông C, bà P đã nộp đủ tiền lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thành phố B ngày 16 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Đinh Thị P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1991 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1997.

Chị T và anh T đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao đông nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung : Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Ông C, bà P mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0003848 ngày 16 tháng 01 năm 2019. Ông C, bà P đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Minh